

TP.Hồ Chí Minh, ngày \_\_ tháng \_\_ năm 2017

## **QUY ĐỊNH**

### **VỀ ĐIỀU KIỆN, XÂY DỰNG HỒ SƠ, TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH VÀ KINH PHÍ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: \_\_/QĐ-DSG-SĐH ngày \_\_/\_\_/2017  
của Hiệu trưởng Trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn)*

## **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Căn cứ để xây dựng quy định**

Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định và kinh phí mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn được xây dựng dựa trên các văn bản pháp luật hiện hành sau:

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 về việc Ban hành “Điều lệ trường đại học” của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT ngày 22/12/2010 về việc “Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc Ban hành “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

## **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định và kinh phí mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm xác định cụ thể các điều kiện cần thiết, quá trình xây dựng hồ sơ, tổ chức thực hiện việc thẩm định chương trình và nguồn kinh phí để mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn (STU);
2. Văn bản quy định chỉ áp dụng trong phạm vi nội bộ STU;
3. Quy chế không áp dụng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài.

## **Điều 3. Mục đích**

1. Thống nhất quy trình, triển khai thực hiện hiệu quả và đảm bảo đúng quy định hiện hành trong việc xây dựng hồ sơ, tổ chức thẩm định chương trình và nguồn kinh phí để mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn;
2. Tạo thuận lợi cho các đơn vị trong việc xây dựng đề án mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Đồng thời, tạo sự phối hợp tốt giữa các đơn vị nhằm đảm bảo thành công trong việc mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

---

## **CHƯƠNG II**

### **ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH HOẶC CHUYÊN NGÀNH**

## **Điều 4. Điều kiện chung**

1. Nhà trường không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ở các ngành/chuyên ngành đang đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày Trường đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.
2. Website Trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường, công khai thu chi tài chính.
3. Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.
4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ, cụ thể:
  - a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo;
  - b) Thư viện Trường có phòng tra cứu thông tin cung cấp các nguồn thông tin tư liệu (*sách, giáo trình và tạp chí trong và ngoài nước*) được xuất bản trong 5 năm trở lại

đây, đáp ứng yêu cầu dạy, học các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài luận văn.

### **Điều 5. Điều kiện đề nghị mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

Khi đề nghị mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành/chuyên ngành đề nghị phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Ngành/chuyên ngành đề nghị xây dựng đề án xin phép đào tạo trình độ thạc sĩ phải xuất phát từ ngành/chuyên ngành đã đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy và đã có ít nhất 2 khóa sinh viên tốt nghiệp.

2. Tên ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị có trong Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp tên ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị chưa có trong Danh mục, khoa chuyên môn phải trình bày luận cứ khoa học về ngành/chuyên ngành đào tạo mới, trình Hội đồng khoa học đào tạo chuyên ngành của trường thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo của một số trường đại học đã được kiểm định ở nước ngoài.

3. Ngành/chuyên ngành đào tạo đề nghị xin phép phải phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh, khu vực và quốc gia; phải đảm bảo đúng định hướng phát triển của nhà trường và nhu cầu của người học.

4. Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ở ngành/chuyên ngành đề nghị xây dựng đề án xin phép đào tạo, cụ thể:

a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường có trình độ thạc sĩ trở lên tham gia giảng dạy ít nhất 70% chương trình đào tạo. Đối với phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành, giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết phải có trình độ tiến sĩ;

b) Có ít nhất 5 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ cùng ngành đề nghị xin phép đào tạo, trong đó có ít nhất 3 người cùng chuyên ngành.

5. Có năng lực, kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; các giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã và đang chủ trì các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên ở ngành/chuyên ngành đề nghị xin phép đào tạo. Mỗi giảng viên là tiến sĩ có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây tính đến ngày đề nghị lập đề án xin phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

6. Đã xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo, được xây dựng theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành do Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn ban hành.

### CHƯƠNG III

## XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### **Điều 6. Ban xây dựng đề án**

1. Khoa chuyên môn và/hoặc phòng Quản lý Khoa học & Sau đại học (QLKH&SDH) căn cứ tình hình thực tế của Nhà trường và một số quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5, 6, 7 của **Điều 16** trong Quy định này để đề nghị thành lập Ban xây dựng đề án xin phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành/chuyên ngành đề nghị (*gọi chung là Ban xây dựng đề án*).
2. Ban xây dựng đề án có tối đa 09 thành viên. Trong đó bao gồm: 01 Trưởng ban; 01 Phó ban/cố vấn; 06 thành viên và 1 thư ký.
3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban xây dựng đề án trên cơ sở đề nghị của khoa chuyên môn và/hoặc phòng QLKH&SDH theo Khoản 1 Điều này.
4. Thành phần Ban xây dựng đề án là những người am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: đại diện khoa chuyên môn, đại diện phòng QLKH&SDH, một số giảng viên đứng ngành/chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành đề nghị.

#### **Điều 7. Nội dung đề án xin phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

Đề án đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ được xây dựng theo quy định tại Phụ lục II, bao gồm các nội dung: Sự cần thiết phải xây dựng đề án; những căn cứ để lập đề án; mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh; năng lực của cơ sở đào tạo; chương trình và kế hoạch đào tạo của ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ và các minh chứng kèm theo.

#### **Điều 8. Xây dựng nội dung chi tiết và phân công nhiệm vụ**

Nội dung đề án bao gồm 4 phần, cụ thể như sau:

1. Phần 1: Sự cần thiết xây dựng đề án. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SDH, phòng Đào tạo, phòng Công tác Sinh viên, Ban Đảm bảo và Kiểm định chất lượng giáo dục. Nội dung bao gồm:
  - Mở đầu.
  - Giới thiệu về Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn.
  - Giới thiệu về khoa đào tạo ngành/chuyên ngành đề nghị.
  - Kết quả đào tạo đại học của ngành/chuyên ngành đề nghị.
  - Lý do đề nghị cho phép mở ngành/chuyên ngành.
2. Phần 2: Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SDH, phòng Kế hoạch Tài chính. Nội dung bao gồm:

- a) Mục tiêu đào tạo.
  - Mục tiêu chung.
  - Mục tiêu cụ thể:
    - + Về kiến thức;
    - + Về kỹ năng.
- b) Thời gian đào tạo.
- c) Đối tượng tuyển sinh:
  - Về văn bằng.
  - Điều kiện dự thi.
  - Bổ sung và chuyển đổi kiến thức.
    - + Đối tượng ngành đúng (không cần học kiến thức bổ sung);
    - + Đối tượng ngành gần cần học bổ túc;
    - + Danh mục các môn học bổ sung kiến thức.
- d) Đối tượng và chính sách ưu tiên.
- e) Đối tượng và tiêu chuẩn xét tuyển thẳng.
- f) Phương án tuyển sinh.
- g) Quy mô tuyển sinh.
- h) Mức học phí.
- i) Điều kiện tốt nghiệp.

3. Phần 3: Năng lực cơ sở đào tạo. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SDH, phòng Hành chính Quản trị. Nội dung bao gồm:

- a) Đội ngũ giảng viên cơ hữu (*Mẫu 1 Phụ lục III*).
- b) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.
  - Thiết bị phục vụ đào tạo (*Mẫu 2 Phụ lục III*);
  - Thư viện (*Mẫu 3 Phụ lục III*);
  - Cơ sở vật chất của trường.
- c) Hoạt động nghiên cứu khoa học.
  - Đề tài khoa học đã thực hiện (*Mẫu 4 Phụ lục III*);
  - Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn, luận án (*Mẫu 5 Phụ lục III*);
  - Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu của ngành/chuyên ngành đề nghị (*Mẫu 6 Phụ lục III*).
- d) Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.
  - Cửa nhà trường;
  - Cửa khoa.

4. Phần 4: Chương trình và kế hoạch đào tạo. Ban xây dựng đề án chủ trì với sự phối hợp của phòng QLKH&SDH. Nội dung bao gồm:

- a) Chương trình đào tạo (*Phụ lục IV*);
- b) Dự kiến kế hoạch đào tạo.

## **Điều 9. Hoàn chỉnh đề án**

1. Sau khi hoàn chỉnh đề án theo đúng nội dung quy định trong **Điều 7, 8 của Quy định này**, Ban xây dựng đề án gửi về phòng QLKH&SDH file mềm và 2 bản in nội dung toàn bộ đề án.
2. Phòng QLKH&SDH hoàn chỉnh đề án theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn, in nội dung đề án hoàn chỉnh thành 2 bản.
3. Phòng QLKH&SDH và Ban xây dựng đề án tổ chức buổi họp để đánh giá, cùng thống nhất và thông qua nội dung đề án. Căn cứ nội dung đã thống nhất, phòng QLKH&SDH hoàn chỉnh đề án và in thành 10 bộ đề án hoàn chỉnh nhằm thực hiện công tác thẩm định năng lực, chương trình đào tạo và lưu trữ.

-----

## **CHƯƠNG IV XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Điều 10. Một số khái niệm**

1. Tín chỉ là đơn vị tính khối lượng học tập của người học.
  - a) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đề án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án;
  - b) Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.
2. Khối lượng kiến thức tối thiểu là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được.

Đa phần các ngành và chuyên ngành của Trường là 60 tín chỉ. Riêng đối với những ngành/chuyên ngành ở trình độ đại học tương ứng có khối lượng kiến thức tối thiểu tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên thì khối lượng kiến thức tối thiểu trình độ thạc sĩ là 30 tín chỉ.
3. Chương trình đào tạo là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết.
4. Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được Nhà trường cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.
5. Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành/chuyên ngành.

## **Điều 11. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo**

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Nếu đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài, Trường ban xây dựng đề án trình Hiệu trưởng quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một đến hai năm học. Cụ thể:
  - a) Tối thiểu 1 năm học đối với những ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm học trở lên và khối lượng kiến thức tích lũy được từ 150 tín chỉ trở lên;
  - b) Từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với những ngành, chuyên ngành không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản này.

## **Điều 12. Xây dựng chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

## **Điều 13. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo**

Khi xây dựng chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.
3. Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ đối với chương trình đào tạo một năm học; tối thiểu 45 tín chỉ đối với chương đào tạo một năm rưỡi và tối thiểu 60 tín chỉ đối với chương trình đào tạo hai năm học. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.
4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

#### **Điều 14. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm học phần triết học và ngoại ngữ (nếu có).
  - a) Học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
  - b) Học phần ngoại ngữ: căn cứ trình độ ngoại ngữ của người trúng tuyển và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại **Điểm b, Khoản 2, Điều 27 trong Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT** của Bộ GD&ĐT, Ban xây dựng đề án đề xuất khối lượng học tập học phần ngoại ngữ phù hợp.
2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Ban xây dựng đề án phải tổ chức xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn.
3. Luận văn: có khối lượng tối thiểu 7 tín chỉ.
4. Tùy theo chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng, Ban xây dựng đề án trình Hiệu trưởng quyết định tỷ lệ kiến thức cơ sở, chuyên ngành và luận văn trong chương trình đào tạo.

#### **Điều 15. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp**

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

### 1. Kiến thức:

Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

### 2. Kỹ năng:

Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

### 3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

## **Điều 16. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo**

1. Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ về ngành/chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp quy định tại Điều 13 và Điều 15 của Quy định này;

2. Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

3. Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

4. Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

5. Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

6. Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo;

7. Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan, gửi về phòng QLKH&SDH để tổ chức họp Hội đồng khoa học ngành/chuyên ngành của trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

8. Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

#### **Điều 17. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo**

1. Ban xây dựng đề án đồng thời cũng là Ban soạn thảo và xây dựng chương trình đào tạo.

2. Khoa chuyên môn và phòng QLKH&SDH thực hiện Điểm 1 và 8 của Điều 16.

-----

### **CHƯƠNG V**

## **THẨM ĐỊNH NĂNG LỰC ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 18. Quy trình thẩm định năng lực đào tạo**

1. Gửi 03 bộ hồ sơ đến Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, thiết bị phục vụ đào tạo, thư viện.

2. Kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra gồm: 01 đại diện Ban giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (Trưởng đoàn), 01 đại diện lãnh đạo phòng tổ chức cán bộ và 01 chuyên viên (làm nhiệm vụ thư ký).

4. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, đối chiếu các nội dung kê khai trong hồ sơ với các điều kiện thực tế như: bảng lương của trường; sổ bảo hiểm của giảng viên; văn bằng, chứng chỉ của giảng viên; trang thiết bị; thư viện phục vụ đào tạo ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo và lập biên bản kiểm tra.

5. Biên bản kiểm tra phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Trưởng đoàn kiểm tra và Hiệu trưởng nhà trường, đóng dấu của Sở giáo dục và đào tạo và của Trường. Biên bản kiểm tra được lập thành 06 bản. Sở Giáo dục và Đào tạo lưu 01 bản, Nhà trường lưu 01 bản và gửi 04 bản kèm theo hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

6. Căn cứ vào biên bản kiểm tra, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xác nhận các điều kiện thực tế vào các bảng biểu báo cáo về năng lực của Nhà trường ở Phụ lục III và phụ lục VIII trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

### **Điều 19. Quy trình thẩm định chương trình đào tạo**

Nhà trường gửi công văn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín thẩm định chương trình đào tạo.

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo hoặc chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín để thẩm định chương trình đào tạo, trường tiến hành thực hiện các công việc sau:

1. Nếu trường được phép tự tổ chức thẩm định chương trình đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của phòng QLKH&SDH;
2. Nếu trường không được phép tự tổ chức thẩm định, trường gửi 5 bộ chương trình đào tạo đến cơ sở đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định để thẩm định chương trình đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định nhận được chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định, thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định để thẩm định chương trình đào tạo.
3. Hội đồng thẩm định gồm 5 thành viên gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học thuộc ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, hai phản biện, thư ký và ủy viên.
4. Nội dung và cách thức tiến hành phiên họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo được quy định tại Phụ lục IX của Quy định này.

Sau khi nghe đại diện của Ban xây dựng đề án trình bày báo cáo, các thành viên hội đồng đặt câu hỏi, đại diện Ban xây dựng đề án giải trình, các thành viên hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín.

Hội đồng thẩm định lập biên bản thẩm định. Biên bản thẩm định phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Chủ tịch hội đồng thẩm định, thư ký hội đồng và đóng dấu của cơ sở đào tạo. Biên bản thẩm định được lập thành 06 bản. Cơ sở đào tạo nơi thành lập hội đồng thẩm định lưu 01 bản, Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn 05 bản (*lưu 01 bản và 04 bản kèm theo hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo*).

Thủ trưởng cơ sở đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ thẩm định xác nhận vào biên bản của Hội đồng thẩm định ở Phụ lục IX và vào chương trình đào tạo ở Phụ lục IV trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ của trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn.

## **Điều 20. Quy trình tự thẩm định chương trình đào tạo**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) theo đề nghị của phòng QLKH&SDH. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

- a) Hội đồng thẩm định có ít nhất 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đứng ngành/chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Ban xây dựng đề án không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia hội đồng thẩm định chương trình;
- b) Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;
- c) Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và một số ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Nhà trường chỉ cử một người tham gia hội đồng thẩm định;
- d) Trường hợp chương trình cần thẩm định thuộc ngành/chuyên ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định (*trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động*).

2. Thẩm định chương trình đào tạo

- a) Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định của quy chế đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định hiện hành về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành/chuyên ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định để thẩm định chương trình;
- b) Cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của Hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng;
- c) Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

-----  
**CHƯƠNG VI**

## **XÂY DỰNG HỒ SƠ VÀ XIN PHÉP MỞ NGÀNH HOẶC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

### **Điều 21. Xây dựng Hồ sơ xin phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ**

Khi có đủ các điều kiện được phép đào tạo trình độ thạc sĩ quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này; đã hoàn tất việc xây dựng đề án xin phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; hoàn tất công tác thẩm định năng lực và chương trình đào tạo, Phòng QLKH&SDH xây dựng hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo, bao gồm:

1. Tờ trình đề nghị cho phép đào tạo ngành/chuyên ngành ở trình độ thạc sĩ (*Phụ lục I*).
2. Đề án đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*đã xây dựng và được thẩm định*).
3. Biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo chuyên ngành.
4. Biên bản kiểm tra các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu, về trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ.
5. Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của Trường hoặc của cơ sở đào tạo có uy tín do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định.
6. Các tài liệu và minh chứng đính kèm. Bao gồm: Các Quyết định cho phép đào tạo trình độ đại học; Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ của trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn; cơ sở vật chất phục vụ đào tạo; Hoạt động nghiên cứu khoa học; Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy ngành/chuyên ngành xin phép mở đào tạo trình độ thạc sĩ.
7. Hồ sơ được lập thành 06 bộ. Trong đó: 03 bộ để trình Bộ GD&ĐT và 03 bộ để thực hiện công tác lưu trữ theo quy định của Trường.

### **Điều 22. Thực hiện xin phép mở ngành**

1. Phòng QLKH&SDH là đơn vị thực hiện nhiệm vụ lập tờ trình và trình hồ sơ xin phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.
2. Phòng QLKH&SDH phối hợp Ban xây dựng đề án và các đơn vị liên quan để hiệu chỉnh, bổ sung và giải trình hồ sơ theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT nhằm đạt được kết quả.

## **CHƯƠNG VII**

### **KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện cho tất cả các công việc và chi trả thù lao được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của trường đã được duyệt dành cho công tác mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng với năm tài chính.

Định mức cho từng nội dung được đính kèm theo quy định này. Định mức này sẽ được điều chỉnh sau mỗi năm thực hiện nhằm sát với tình hình thực tế và hiệu quả của công việc.

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và ban hành;
2. Trường/phó các đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, các đơn vị phản ánh, đề xuất để Hiệu trưởng xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS. Cao Hào Thi**